

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2020

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Mạnh Quang và ông Nguyễn Đình Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Đỗ Lâm Hiếu– Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST –HPT, ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Tr A, sinh ngày 1982- *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1979 - *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 7, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 28 tháng 4 năm 2020, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn: Chị Phùng Thị Tr A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Tr kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/11/2018. Từ khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc

sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân một năm nay. Chị A xét thấy tình cảm giữa chị và anh Tr đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 30/4/2019, chị A yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi cháu Phước đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn Tr trong quá trình giải quyết vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng. Vì vậy, anh Tr không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì anh Tr vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phùng Thị Tr A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn đề nghị vắng mặt, mặc dù Tòa án niêm yết các văn bản tụng cho bị đơn. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Tr A thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của

TAND huyện Bù Đốp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Anh Nguyễn Văn Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đồng thời không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân*: Chị Phùng Thị Tr A và Anh Nguyễn Văn Tr kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/11/2018. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Tr với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, mặc dù chị A đã cho anh Tr nhiều cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Thời gian vợ chồng sống ly thân hai người còn không quan tâm chăm sóc hỏi thăm lẫn nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Anh Nguyễn Văn Tr đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy anh Tr không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Tr được biết: Việc chị A, anh Tr mâu thuẫn như thế nào thì địa phương cũng không nắm rõ. Do chị A, anh Tr không báo địa phương hòa giải. Hiện nay chị A và con chung đang sống với bên ngoại (nhà ba mẹ ruột chị A).

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Tr đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh Tr là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chị A, anh Tr có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 30/4/2019, hiện cháu Ph đang chung sống với chị A từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị A có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu Ph còn quá nhỏ cần phải có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ nên cần giao con chung cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết. Mặt khác theo qui định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo được cuộc sống

ổn định và sự phát triển bình thường của trẻ em vị thành niên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị A là hoàn toàn phù hợp pháp luật

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị A không yêu cầu. HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Phùng Thị Tr A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Tr A về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn Tr.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phùng Thị Tr A được ly hôn với Anh Nguyễn Văn Tr.

[2]. *Về con chung*: Tuyên giao cho chị Phùng Thị Tr A được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con chung Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 30/4/2019, cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Tr có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Phùng Thị Tr A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017268 ngày 28/4/2020.

[4]. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- Đương sự;
- UBND xã Th H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chúc